

Số: 1184/SGDDĐT - GDTrH  
V/v hướng dẫn dạy học và thi  
nghề phổ thông năm học 2015 - 2016

Hà Nam, ngày 17 tháng 9 năm 2015

Kính gửi: - Các trường trung học phổ thông;  
- Các phòng giáo dục và đào tạo huyện, thành phố.

Căn cứ công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 về việc thực hiện hoạt động Giáo dục Nghề phổ thông (NPT) lớp 11 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 10945/BGDĐT-GDTrH ngày 27/11/2008 về việc thi và cấp Giấy chứng nhận NPT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn số 1163/SGDDĐT-GDTrH ngày 14/9/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTrH năm học 2015-2016; Sở GDĐT hướng dẫn các đơn vị tổ chức dạy học Giáo dục NPT và thi NPT năm học 2015 - 2016 như sau:

### **I. Dạy học giáo dục nghề phổ thông**

1. Các đơn vị thực hiện hoạt động dạy học Giáo dục NPT theo công văn số 1243/SGDDĐT-GDTrH ngày 27/8/2013 của Sở GDĐT. Rà soát chương trình dạy NPT để lựa chọn, bổ sung các nghề đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện dạy học của nhà trường.

2. Các phòng GDĐT chỉ đạo các trường trung học cơ sở (THCS) hoàn thành chương trình dạy học Giáo dục NPT cho học sinh lớp 9 trước ngày 07/11/2015.

3. Các trường trung học phổ thông (THPT), phòng GDĐT có trường THCS không đủ điều kiện dạy học Giáo dục NPT, chủ động phối hợp với các trung tâm đủ điều kiện để thực hiện dạy học Giáo dục NPT và báo cáo về Sở GDĐT bằng văn bản trước ngày 22/9/2015.

### **II. Tổ chức thi nghề phổ thông**

#### **1. Thành lập Hội đồng thi nghề phổ thông**

a) Các trường THPT

- Mỗi đơn vị thành lập một Hội đồng thi NPT do Sở GDĐT ra Quyết định thành lập.
- Hiệu trưởng lập danh sách cán bộ, giáo viên coi, chấm thi theo mẫu 1A.

b) Các Phòng GDĐT

- Sở GDĐT ủy quyền cho Trưởng phòng GDĐT huyện, thành phố ra Quyết định thành lập Hội đồng thi nghề cho các trường THCS.

- Thành phần Hội đồng thi nghề phổ thông quy định tại Mẫu 1B.

Yêu cầu các phòng GDĐT điều động đúng đối tượng, thành phần, đủ số lượng các thành viên Hội đồng coi thi, chấm thi theo quy định.

#### **2. Đối tượng và điều kiện dự thi**

a) Đối tượng dự thi: Là học sinh đang học tại các trường THCS, THPT đã hoàn thành chương trình NPT và tự nguyện đăng ký dự thi NPT đã học.

b) Điều kiện dự thi:

- Học sinh học hết chương trình NPT theo qui định (*cấp THCS: 70 tiết; cấp THPT: 105 tiết*) và có điểm tổng kết NPT từ trung bình (*5,0 điểm*) trở lên;

- Không nghỉ học quá 10% tổng số tiết của chương trình NPT (*cấp THCS nghỉ học không quá 7 tiết, cấp THPT nghỉ học không quá 11 tiết*).

### **3. Hồ sơ dự thi**

a) Hồ sơ dự thi gồm: Danh sách thí sinh (TS) dự thi; Bảng ghi tên, ghi điểm; Thẻ dự thi (thẻ phải dán ảnh và đóng dấu giáp lai của nhà trường nơi học sinh đang học) hoặc chứng minh nhân dân.

Danh sách TS đủ điều kiện dự thi do trường THCS, THPT lập, ghi rõ điểm tổng kết NPT, lập riêng từng nghề theo mẫu của Sở GDĐT đã ban hành. Nếu học sinh học NPT tại Trung tâm GDTX thì phải đồng thời có xác nhận của Giám đốc Trung tâm GDTX và Hiệu trưởng trường THCS, THPT.

b) Lập hồ sơ dự thi:

- Danh sách thí sinh dự thi; Bảng ghi tên, ghi điểm được lập trên Excel, dùng font Times New Roman (unicode dựng sẵn) theo mẫu của Sở GDĐT (Mẫu 2), khi nhập dữ liệu phải kiểm tra kỹ bảo đảm chính xác các thông tin của TS để cấp giấy chứng nhận.

- Lập danh sách thí sinh dự thi theo thứ tự a, b, c,... của tên thí sinh theo từng nghề để đánh số báo danh và xếp phòng thi.

- Phòng thi được xếp theo nghề dự thi, mỗi phòng thi có tối đa 24 thí sinh. Riêng phòng thi cuối cùng được xếp không quá 28 thí sinh.

### **4. Báo cáo số liệu**

Số liệu đăng ký dự thi: các đơn vị báo cáo chính xác theo mẫu 3A, 3B (các phòng GDĐT); 4A, 4B (các trường THPT).

### **5. Tổ chức thi**

a) Thi lý thuyết

- Thời gian thi và hình thức thi: hình thức tự luận, thời gian làm bài thi 45 phút chung cho tất cả các nghề.

- Điểm bài thi lý thuyết hệ số 1.

b) Thi thực hành

- Thời gian làm bài thi: + 60 phút đối với nghề Làm vườn và Tin học văn phòng;  
+ 120 phút đối với nghề Điện dân dụng.

- Điểm bài thi thực hành hệ số 3.

*\* Một số lưu ý khi tổ chức thi thực hành:*

- Thi thực hành nghề Điện dân dụng và Nghề Làm vườn: phòng thi lý thuyết đồng thời là phòng thi thực hành, toàn bộ TS làm bài thi chung một đề thi.

+ Nghề Điện dân dụng: Làm phách rời (theo mẫu 6), TS ghi đầy đủ thông tin vào phách và dính vào sản phẩm thực hành; điểm bài thực hành theo thang điểm 10.

+ Nghề Làm vườn: Làm phách rời (theo mẫu 6), TS ghi đầy đủ thông tin vào phách và dính vào sản phẩm thực hành và bài tường trình thực hành; điểm bài thực hành theo thang điểm 10 (điểm chấm sản phẩm 5 điểm, bài tường trình 5 điểm); sản phẩm và bản tường trình của mỗi TS cho vào một túi riêng.

- Thực hành nghề Tin học chia theo ca, thực hiện theo quy trình sau:

+ Gọi TS vào phòng thi (Mỗi TS 01 máy vi tính)

+ Phát đề cho TS làm bài.

+ Khi có hiệu lệnh hết giờ làm bài, giám khảo yêu cầu TS ngừng làm bài, ngồi tại chỗ.

+ Khi có TS làm xong bài thi, hai giám khảo có thể chấm ngay bài thi của TS đó.

Hai giám khảo chấm bài thi độc lập ngay trên máy; Thống nhất điểm; Ghi điểm thi vào

phiếu chấm; Chỉ những TS có bài thi đã chấm xong trên máy mới được ra khỏi phòng thi. Hội đồng thi chuẩn bị USB để ghi lại bài của tất cả TS dự thi.

+ Mỗi phòng thi thực hành Tin học văn phòng có hai giám khảo chấm bài; một giám thị ngoài phòng thi làm nhiệm vụ gọi TS vào phòng thi và giám sát phòng thi trong quá trình TS làm bài.

- Các Hội đồng thi chỉ vào điểm thi khi đã chấm xong cả hai bài thi lý thuyết và bài thi thực hành.

c) Công tác chuẩn bị: thực hiện theo phụ lục đính kèm.

## 6. Lịch làm việc

a) Ngày 22/10/2015:

- Các trường THPT nộp danh sách cán bộ, giáo viên đi làm nhiệm vụ coi, chấm thi nghề, báo cáo số lượng học sinh dự thi nghề năm học 2015 - 2016, đăng ký số đề thi NPT theo mẫu (các mẫu 1A, 4A, 4B).

- Các phòng GDĐT nộp báo cáo số lượng học sinh dự thi nghề năm học 2015-2016, đăng ký số đề thi NPT theo mẫu (các mẫu 3A, 3B).

*Danh sách giáo viên, các biểu mẫu nộp về Sở qua phòng GDTrH theo đường công văn và email: [httam.hanam@moet.edu.vn](mailto:httam.hanam@moet.edu.vn) (bà Hoàng Thị Thanh Tâm nhận).*

b) Ngày 02/11/2015: Trường THPT cử người về Sở nhận quyết định coi, chấm thi nghề.

c) Ngày 09/11/2015:

- Tại Hội trường tầng 4 Sở GDĐT:

+ 8h00: Họp Lãnh đạo các phòng GDĐT, Chủ tịch HĐ coi, chấm thi nghề của các trường THPT.

+ 8h30: Chủ tịch HĐ coi, chấm thi nhận đề (có biện pháp đảm bảo an toàn đề thi).

- Tại các HĐ coi, chấm thi:

+ 9h30: Họp Lãnh đạo Hội đồng coi, chấm thi.

+ 14h00: Họp Hội đồng coi, chấm thi.

d) Lịch thi:

| Ngày          | Sáng  | Chiều  |
|---------------|---|--|
| 10/11/2015    | - Từ 7h00 đến 7h10: Khai mạc  | - Thi thực hành Tin học (60 phút)<br>03 ca<br>Ca 3: từ 13 giờ đến 14 giờ<br>Ca 4: từ 14 giờ 20 đến 15 giờ 20<br>Ca 5: từ 15 giờ 40 đến 16 giờ 40 |
|               | - Từ 7h30 đến 8h15: Thi lý thuyết   |  |
| 10/11/2015    | - Từ 8h40:  | - Chấm thi lý thuyết, thực hành nghề Điện dân dụng; nghề Làm vườn  |
|               | + Thi thực hành:<br>Nghề Điện dân dụng (120 phút);<br>Nghề Làm vườn (60 phút);<br>Nghề Tin học (60 phút) thi 02 ca<br>Ca 1: từ 8 giờ 40 đến 9 giờ 40<br>Ca 2: từ 10 giờ đến 11 giờ<br>+ Chấm thi lý thuyết. |  |
| 11-12/11/2015 | Chấm lý thuyết, thực hành nghề Điện dân dụng, Làm vườn, Tin học. Hội phách, lên điểm, hoàn tất các công việc của HĐ; Tổng kết HĐ.   |  |

## 7. Xếp loại kết quả thi và cấp giấy chứng nhận NPT

a) Xếp loại kết quả thi thực hiện theo Công văn số 10945/BGDĐT-GDTrH ngày 27/11/2008 của Bộ GDĐT.

Lưu ý: Điểm trung bình 2 bài thi là số nguyên hoặc số thập phân được làm tròn đến 0,5.

**b) Cấp giấy chứng nhận NPT**

- Sở GDĐT tổ chức cấp giấy chứng nhận NPT cho học sinh được công nhận kết quả thi NPT vào tháng 12/2015;

- Để tránh sai sót khi cấp giấy chứng nhận NPT cho học sinh, yêu cầu các trường THPT, các phòng GDĐT kiểm tra, rà soát các thông tin của học sinh so với hồ sơ gốc của đơn vị và báo cáo về Sở GDĐT qua phòng GDTrH bằng văn bản (Bà Hoàng Thị Thanh Tâm nhận).

**8. Nộp hồ sơ về Sở**

Ngày 13/11/2015, các Hội đồng thi nộp về Sở:

- Bảng ghi tên, ghi điểm: 02 bộ, sau khi ký duyệt Sở GDĐT gửi lại Hội đồng 01 bộ để lưu.

- Báo cáo kết quả thi (mẫu 5).

**9. Kinh phí thi NPT**

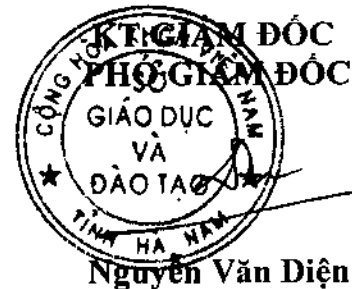
- Thực hiện thu lệ phí thi NPT theo quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh Hà Nam.

- Kinh phí ra đề, in sao đề thi: 4.000đ/HS, nộp về Văn phòng Sở từ ngày 19/10/2015 đến ngày 30/10/2015 (bà Trần Thị Thu Huyền nhận).

Sở GDĐT yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện, các đơn vị liên hệ với Phòng GDTrH (Ông Hoàng Văn Sử, số điện thoại: 03513854094 hoặc 0912303787) để được hướng dẫn giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Sở;
- Thanh tra Sở (để phối hợp);
- Như kính gửi (để th/hiện);
- Lưu VT, GDTrH.



## PHỤ LỤC

(Kèm theo công văn số 1184/SGDDĐT-GDTrH ngày 17/9/2015 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

### I. HƯỚNG DẪN THI NGHỀ LÀM VƯỜN

#### 1. Hướng dẫn chung:

Chuẩn bị:

- Hội đồng coi, chấm thi chuẩn bị: Phách rời chấm sản phẩm và tường trình thực hành; giấy thi cho học sinh làm bài tường trình; băng dính hoặc ghim nhỏ để dính phách.

- Học sinh chuẩn bị các dụng cụ, phôi liệu sau:

+ Một đoạn cành dài 35 cm, đường kính 1cm đến 2cm làm gốc ghép.

+ Một đoạn cành có đường kính 1cm đến 2cm, có mắt để ghép.

(*Chú ý: Hai đoạn cành phải cùng họ cây và tươi để ghép được với nhau.*)

+ Một dao nhỏ, nhọn; dây nilon bản mỏng; túi nilon đựng vừa sản phẩm thực hành và bài tường trình thực hành.

2. Đối với từng cấp học: học sinh tập trung ôn tập các nội dung sau:

#### a) Cấp THCS:

- **Thi lý thuyết:**

+ Cải tạo tu bổ vườn tạp;

+ Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả có múi;

+ Phương pháp bảo quản, chế biến rau quả.

- **Thi thực hành:**

+ Quy trình thực hành ghép mắt cửa sổ.

+ Quy trình thực hành ghép mắt chữ T.

#### b) Cấp THPT:

- **Thi lý thuyết :**

+ Đặc điểm, nguyên tắc và các bước tu bổ vườn tạp

+ Kỹ thuật trồng rau an toàn

+ Phương pháp bảo quản, chế biến rau quả

+ Chất điều hòa sinh trưởng, chế phẩm sinh học và ứng dụng của chúng.

- **Thi thực hành:**

+ Quy trình thực hành ghép mắt cửa sổ.

+ Quy trình thực hành ghép mắt chữ T.

### II. HƯỚNG DẪN THI THỰC HÀNH MÔN ĐIỆN DÂN DỤNG

#### 1. Hướng dẫn chung:

- Hội đồng coi, chấm chuẩn bị: Phách rời chấm sản phẩm thực hành; băng dính hoặc ghim nhỏ để dính phách; các vật dụng cần thiết cho giáo viên chấm theo yêu cầu từng cấp học.

2. Đối với từng cấp học:

#### a) Cấp THCS

**Học sinh chuẩn bị:**

- Phôi liệu:

+ 01 bảng gỗ mềm (hoặc bảng nhựa) kích thước khoảng 20 x 15 x 1,0 cm;

+ 01 ổ cắm;

+ 02 công tắc 2 cực;

+ 01 cầu chì có dây cháy;

+ 02 m dây lõi đơn nhiều sợi có phân biệt màu, đinh vít đủ lắp.

- Dụng cụ: Kim điện, dao con, tuốc nơ vít, khoan mũi.

**Hội đồng chấm thi chuẩn bị:**

- Mỗi cặp chấm 2 bóng đèn có đui và dây có phích cắm;
- Nguồn xoay chiều 1 pha có ổ cắm, bút thử điện.

**b. Cấp THPT**

**Học sinh chuẩn bị:**

- Phôi liệu:
  - + Bìa cách điện dày 0,5 đến 0,8 mm kích thước 200mm x 150mm;
  - + Giấy lót cách điện dày 0,1mm kích thước 80mm x 800mm;
  - + Giấy e may đường kính 0,31mm: 90gam; ống ghen đường kính 1,5mm: 500mm.
- Dụng cụ: Thước kẻ (có mm), dao, kéo dùi ...

**Hội đồng thi chuẩn bị:**

- 01 cân đồng hồ (loại từ 1 - 2 kg)
- Thước đo chính xác (có mm) cho giám khảo: Mỗi cặp chấm cần 1 thước 20 - 30cm.
- 01 đồng hồ vạn năng.

### **III. HƯỚNG DẪN THI THỰC HÀNH MÔN TIN HỌC**

Đối với thi thực hành môn Tin học, cấp THCS và THPT cần chuẩn bị:

- Căn cứ vào số học sinh dự thi, các trường phải bố trí đủ máy vi tính để chỉ thi thực hành nhiều nhất 5 ca; thi xong ca trước mới được gọi HS vào phòng thi ca tiếp theo.

- Máy vi tính cài đặt hệ điều hành Windows; phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel.

---

**Mẫu 1A**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NAM  
TRƯỜNG THPT:.....

DANH SÁCH CÁN BỘ, GIÁO VIÊN  
LÀM NHIỆM VỤ COI, CHẤM THI NGHỀ PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2015 - 2016

| TT   | Họ và tên    | Chức vụ         | Dạy môn | Coi thi | Chấm thi môn | Ghi chú  |
|------|--------------|-----------------|---------|---------|--------------|----------|
| 1    | Nguyễn Văn A | Hiệu trưởng     | Toán    |         |              | Chủ tịch |
| 2    | Lê Văn B     | Phó hiệu trưởng | Lý      |         |              | PCTST    |
| 3    | Đoàn Văn C   | Phó hiệu trưởng | Văn     |         |              | PCTN     |
| 4    | Đào Thị D    | Giáo viên       | GDCD    |         |              | TKST     |
| 5    | Lê Văn H     | Giáo viên       | Hóa     |         |              | TKN      |
| 6    | .....        | .....           | CN      | X       | Điện         |          |
| 7    | .....        | .....           | Tin     | X       | Tin          |          |
| 8    | .....        | .....           | .....   | .....   | .....        |          |
| .... |              |                 |         |         |              |          |

(Danh sách này có.....người)

Trong đó: - Lãnh đạo Hội đồng:.....;  
- Thư ký HĐ:.....;  
- Giám thị:.....;  
- Giám khảo:.....nghề Điện;.....nghề Tin;.....nghề Làm vườn.

Người lập bảng

Ngày ... tháng .....năm 2015  
Hiệu trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu 1B**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO .....  
TRƯỜNG THCS:.....

1. Lãnh đạo hội đồng thi

- Thành phần ban lãnh đạo bao gồm: 01 chủ tịch, 02 phó chủ tịch; 02 thư ký hội đồng thi.

\* Lưu ý: Chủ tịch là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng; phó chủ tịch là phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, chủ tịch công đoàn.

2. Thành viên.

- Giám thị coi thi lý thuyết số lượng tỉ lệ tương đương số phòng thi x 2,5.

- Giám thị coi thi thực hành nghề Tin học: mỗi phòng thi 2 giám thị + 1 giám thị 3.

- Giám khảo chấm thực hành: toàn bộ giáo viên giảng dạy môn nghề.

- Bảo vệ, phục vụ, y tế.

**Mẫu 3A**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NAM  
PHÒNG GDĐT .....

**BÁO CÁO HỌC SINH DỰ THI NGHỀ NĂM HỌC 2015-2016**

| TT | Trường THCS | Nghề | Số HS | Số tiết đã học | Ghi chú |
|----|-------------|------|-------|----------------|---------|
| 1  | Trần Phú    | Điện | 48    | 70             |         |
| 2  |             |      |       |                |         |
| 3  |             |      |       |                |         |
|    |             |      |       |                |         |

Danh sách này gồm có ...trường đã dạy nghề đủ thời gian quy định và đủ điều kiện tổ chức thi NPT. Đề nghị Sở GDĐT duyệt cho các trường trên được phép tổ chức thi NPT năm học 2015 - 2016.

Người lập bảng

Ngày ..... tháng....năm 2015

Trưởng phòng  
(Kí tên, đóng dấu)

**Mẫu 3B**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NAM  
PHÒNG GDĐT .....

**ĐĂNG KÍ SỐ ĐỀ THI NGHỀ PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2015-2016**

| TT    | Trường THCS | NGHỀ ĐIỆN |          | LÀM VƯỜN |          | TIN HỌC  |                            |      |      |      |      |
|-------|-------------|-----------|----------|----------|----------|----------|----------------------------|------|------|------|------|
|       |             | Số đề LT  | Số đề TH | Số đề LT | Số đề TH | Số đề LT | Số đề thi thực hành cần in |      |      |      |      |
|       |             |           |          |          |          |          | Ca 1                       | Ca 2 | Ca 3 | Ca 4 | Ca 5 |
| 1     | Trần Phú    | 48        | 48       | 72       | 72       | 56       | 12                         | 12   | 12   | 12   | 8    |
| 2     | Châu Sơn    |           |          |          |          |          |                            |      |      |      |      |
| ..... | .....       |           |          |          |          |          |                            |      |      |      |      |

Người lập bảng

Ngày ..... tháng....năm 2015

Trưởng phòng  
(Kí tên, đóng dấu)



**Mẫu 4A**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NAM  
TRƯỜNG THPT.....

**BÁO CÁO HỌC SINH DỰ THI NGHỀ NĂM HỌC 2015-2016**

| TT | Nghề | Số học sinh | Thời gian học | Số phòng thi | Ghi chú |
|----|------|-------------|---------------|--------------|---------|
|    |      |             |               |              |         |
|    |      |             |               |              |         |

Danh sách này gồm có.....học sinh của trường đã đủ điều kiện dự thi. Đề nghị Sở GDĐT duyệt cho trường được phép tổ chức thi NPT năm học 2015-2016.

Người lập bảng

....., ngày ... tháng..... năm 2015

**Hiệu trưởng**  
(Kí tên, đóng dấu)

**Mẫu 4B**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NAM  
TRƯỜNG THPT: .....

**ĐĂNG KÍ SỐ ĐỀ THI NGHỀ PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2015-2016**

| TT | Nghề          | Số TS dự thi | Số phòng thi LT | Số đề thi LT | Số phòng thi TH | Số đề thi thực hành cần phải in |      |      |      |      |
|----|---------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|---------------------------------|------|------|------|------|
|    |               |              |                 |              |                 | Ca 1                            | Ca 2 | Ca 3 | Ca 4 | Ca 5 |
| 1  | Làm vườn      |              |                 |              |                 |                                 |      |      |      |      |
| 2  | Điện dân dụng |              |                 |              |                 |                                 |      |      |      |      |
| 3  | Tin học       |              |                 |              |                 |                                 |      |      |      |      |

Ngày tháng năm 2015

**Hiệu trưởng**  
(Kí tên, đóng dấu)

**Mẫu 5**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NAM  
 ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THI NPT NĂM HỌC 2015 - 2016**

1. Tổng số học sinh đăng kí dự thi: .....
2. Tổng số học sinh dự thi: ..... Số học sinh bỏ thi: .....
3. Kết quả:

|                              |                    |
|------------------------------|--------------------|
| Số học sinh đỗ: .....H/s     | Đạt tỷ lệ: ..... % |
| Trong đó: Loại Giỏi:.....H/s | Đạt tỷ lệ: ..... % |
| Loại Khá:.....H/s            | Đạt tỷ lệ: ..... % |
| Loại T/B:..... H/s           | Đạt tỷ lệ: ..... % |
| Số học sinh hỏng:..... H/s.  | Đạt tỷ lệ: ..... % |

## 4. Thống kê kết quả theo nghề

| Nghề      | Số học sinh    |        | Kết quả        |       |           |        |          |        |         |        |      |        |
|-----------|----------------|--------|----------------|-------|-----------|--------|----------|--------|---------|--------|------|--------|
|           | Đăng ký dự thi | Dự thi | Số học sinh đỗ | Tỷ lệ | Loại giỏi |        | Loại khá |        | Loại TB |        | Hỏng |        |
|           |                |        |                |       | SL        | TL (%) | SL       | TL (%) | SL      | TL (%) | SL   | TL (%) |
| Điện      |                |        |                |       |           |        |          |        |         |        |      |        |
| Tin học   |                |        |                |       |           |        |          |        |         |        |      |        |
| Làm vườn  |                |        |                |       |           |        |          |        |         |        |      |        |
| Tổng cộng |                |        |                |       |           |        |          |        |         |        |      |        |

Người thống kê

Trưởng phòng/Hiệu trưởng  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu 6**

**MẪU PHÁCH THI THỰC HÀNH**

|  |                   |   |          |                    |
|--|-------------------|---|----------|--------------------|
|  |                   | Số phách  | Số phách | Hội đồng thi:..... |
| ĐIỂM   | Họ và tên GK số 1 | Họ tên học sinh: .....<br>Số báo danh.....<br>Ngày sinh:.....     |          |                    |
| Số:.....                                     | .....             |   |          |                    |
| Chữ: .....                                   | Họ và tên GK số 2 | Họ, tên, chữ ký GT 1 :<br>.....<br>Họ, tên, chữ ký GT 2:<br>..... |          |                    |
| (Phần này để lại trên sản phẩm của học sinh) |                   |   |          |                    |

-----HẾT-----